

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật
“Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số
ứng dụng Công nghệ thông tin”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-CP ngày 20/8/2025 của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 09/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông về hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2023, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh thông tin dự án, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Tiểu dự án, dự án 4 và Tiểu dự án 2, dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án “Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin”;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thông tin dự án, tên chủ đầu tư dự án “Thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin”.

Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự toán nhiệm vụ khảo sát, lập điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật “Thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 326/TTr-SKHCN ngày 06/10/2025; ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3941/STC-QLN ngày 06/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin, với những nội dung chính sau:

1. Tên báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật: Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin.

2. Loại dự án: Dự án nhóm C.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La

4. Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.

5. Quy mô đầu tư: Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin gồm 52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn. Đầu tư tại mỗi điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin gồm các thiết bị: Internet Tivi 01 cái,

được kết nối Internet; Amplifier (Amplify) 01 cái; Loa (phục vụ hội trường); Micro; Bàn phím máy tính (có thể kết nối với Internet Tivi); Vật tư, thiết bị phụ trợ phục vụ công tác lắp đặt (*Có Phụ lục I kèm theo*)

6. Địa điểm thực hiện: tại 52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn (*Có Phụ lục II kèm theo*).

7. Tổng mức đầu tư: 8.564.990.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp (Gxl): 0 đồng;
- Chi phí thiết bị (Gtb): 7.363.936.800 đồng;
- Chi phí quản lý dự án (Gqlđ): 163.550.091 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT (Gtv): 515.054.921 đồng;
- Chi phí khác (Gk): 114.591.225 đồng;
- Chi phí dự phòng (Gdp): 407.856.652 đồng.

8. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật: Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền thông và CNTT Hà Nội. Địa chỉ: 32 ngõ 75, đường Đại Hưng, xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện tiểu dự án 2, dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ (*Chủ đầu tư*) có trách nhiệm

- Triển khai thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả không để thất thoát lãng phí vốn đầu tư; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin số liệu hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; Quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bàn giao các thiết bị tại các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin sau khi mua sắm cho các xã được thụ hưởng trong dự án Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành (*Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo*).

2. Các xã được thụ hưởng trong dự án Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin (*chi tiết theo Phụ lục III kèm theo*): Tiếp nhận, quản lý sử dụng, khai thác hiệu quả, đúng mục đích toàn bộ các thiết bị được giao theo quy định hiện hành; thực hiện theo dõi, hạch toán tăng tài sản, thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định này, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực X; Chủ tịch UBND các xã, phường Vân Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC
THIẾT BỊ LẮP ĐẶT, CÀI ĐẶT VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Màn hình TIVI 98 inch		44	Chiếc
	Kích thước	≥ 98inch/248cm		
	Loại màn hình	QLED		
	Độ phân giải	4K Ultra HD 3840x2160		
	Bộ nhớ trong (Flash)	≥ 32GB		
	Loa	≥ 20W (10Wx2)		
	Hệ điều hành	Google TV (Android 11.0 trở về sau)		
	Phát nội dung không dây	Chromecast tích hợp		
	Điều khiển giọng nói	Có		
	Google Assistant	Có		
	Cổng kết nối	Có tối thiểu: 3 cổng HDMI (trong đó HDMI 1 có hỗ trợ eARC); Hỗ trợ DHCP; 2 cổng USB - Âm-ten; Âm thanh đầu ra kỹ thuật số (quang học), Ethernet-LAN RJ-45, đầu vào AV; đầu ra âm thanh (3,5 mm),...		
	Kết nối không dây	Wi-Fi 802.11, 2x2, băng tần kép, Bluetooth 5.1		
	Ứng dụng cài đặt sẵn	Amazon Prime Video, Netflix, YouTube, Youtube Music, Google Search		
	Công nghệ âm thanh	Dolby Atmos, Dolby Vision		
	Các định dạng hỗ trợ	MPEG-1, MPEG-2, MPEG-4, VP9, HEVC (H.265), H.264. - AAC, MP3, MPEG1/2 - SMI, SRT, SUB, TXT, ASS, SSA - JPEG, GIF, PNG, HEIF, BMP		
	Remote thông minh	Có điều khiển bằng giọng nói, Tích hợp Google Assistant		
	Chất lượng sản phẩm	Hàng hóa cung cấp phải có Phiếu bảo hành rõ ràng từ Hãng hoặc Nhà phân phối chính Hãng.		

		Có trung tâm bảo hành ủy quyền tại Tỉnh/Thành phố nơi cung cấp/lắp đặt thiết bị. Năm sản xuất: 2025		
	Thời gian bảo hành	≥ 24 tháng chính hãng		
2	Cục đẩy	Amplify công suất • Thiết kế hiệu suất cao loại Class H, lực tần số thấp động tốt	43	Chiếc
	Công suất	Mạch khuếch đại công suất kỹ thuật số được chứng nhận PFC của Đức, hai kênh, mỗi kênh có công suất 600W.		
	Amplify công suất	2 kênh		
	Độ nhạy	(MIC) 11mV (MUSIC) 210mV		
	Cao độ của nhạc-micro	Cao độ của nhạc và micro được điều chỉnh bằng bộ Equalizer 7 đoạn, với các điểm cắt tần số thấp có thể điều chỉnh trực tiếp trên amply và trên phần mềm.		
	Trở kháng đầu vào	20K Ω		
	Tỷ lệ tín hiệu/nhiều	≥ 95 dB		
	Tần số hoạt động	10Hz-70 KHz		
	Kết nối đầu vào	5 đầu vào nguồn tín hiệu có thể lựa chọn (AUX, BGM, quang, Bluetooth, USB).		
	Kết nối đầu ra	2 đầu ra SpeakOn và 2 đầu ra bấp chuỗi		
	Yêu cầu nguồn điện	sử dụng được từ 90V đến 240V.		
	Bảo hành	12 Tháng		
3	Loa	Loa full toàn dải 12 inch	41	Bộ (02 Loa)
	Loa treble	1x44 mm Driver Unit		
	Loa Bass	1x15 " Driver Unit		
	Cấu tạo loa	2 đường tiếng		
	Công suất	400W(RMS) 800W(PEAK)		
	Tần số hoạt động	20Hz-20KHz		
	Độ nhạy	99dB		
	Đặc tính tần số	Tham chiếu tại tần số 1kHz		
	Đầu nối	2×Chân cắm NL4, +1, -1		
	Kích thước: (Rộng x Sâu x	426x431x684mm		

	Cao)			
	Bảo hành	12 Tháng		
4	Vang số(Quản lý nguồn điện)		43	Chiếc
	Tính năng			
	Kết nối	Có khả năng kết nối internet và điều khiển qua ứng dụng trên điện thoại để giám sát các thiết bị đang bật/tắt từ xa		
	Chức năng cập nhật ngày giờ	Có khả năng Tự động cập nhật ngày giờ theo thời gian thực sau khi kết nối thành công: Thời gian, điện áp, dòng điện và tổng công suất.		
	Hiển thị.	Có khả năng hiển thị trạng thái hiện tại của các kênh 1-8. Khi số kênh màu xanh lá cây, kênh đang bật; khi màu xanh lam, kênh đang tắt.		
	Chuyển đổi thiết bị hệ thống kép	Cài đặt chế độ KTV: Có thể tự do bật/tắt các kênh từ 1 đến 4 khi cần; Cài đặt chế độ Phim: Có thể bật các kênh từ 5 đến 8; Cài đặt chế độ Cảnh: Tắt tất cả: Bật tất cả các kênh		
	Cổng kết nối	Có Cổng COM RS232, giao diện điều khiển trung tâm		
	Giao diện	Có Giao diện điều khiển trung tâm RS485 IN/A và IN/B, 0/B, 0A; KEY và GND là các công tắc ngoài.		
	Ổ cắm	Các ổ cắm CH1-8, ổ cắm nguồn đa năng cho các kênh 1-8;		
	Điều khiển không dây	Điều khiển không dây WiFi (Bật Bluetooth và WiFi trên điện thoại để tự động phát hiện thiết bị. Nhấp vào Thêm và nhập mật khẩu WiFi chính xác).		
	Nguồn điện đầu vào	AC 100-240V 50-60Hz		
	Dòng điện đầu ra định mức trên mỗi kênh	10A		
	Tổng dòng điện đầu ra định mức	40A		
	Khoảng thời gian ngắt quãng của bộ sắp xếp thời gian	1 giây		
	Cổng nguồn đầu	Điều khiển thông minh 8 chiều, 1 đầu ra		

	ra:	trực tiếp		
	Kích thước	(Rộng x Sâu x Cao): 480x230x47mm		
	Trọng lượng tịnh	3.25kg		
	Trọng lượng tổng	4.1kg		
	Bảo hành	12 Tháng		
5	Micro không dây		45	Chiếc
	Bộ phát tín hiệu			
	Loại mic	Tay cầm kết nối không dây		
	Số lượng mic	2		
	Số kênh	300 kênh tần số		
	Phạm vi hoạt động	60m		
	Công suất phát sóng	FM		
	Dải tần hoạt động	540MHz-590MHz		
	Chức năng	Có thể chuyển đổi bộ phát micro từ cầm tay sang cài tai hoặc cổ ngỗng dễ dàng		
	Loại điều chế	Điều chế kỹ thuật số DQPSK		
	Trở kháng	500Ω		
	Sai lệch tần số sóng mang	10ppm		
	Tần số điều chế tối đa	± 40kHz		
	Bộ thu tín hiệu			
	Dải tần hoạt động	540MHz-590MHz. Vòng khóa pha (PLL)		
	Số kênh	2 x 100 kênh tần số.		
	Độ nhạy	Trong khoảng -40 đến 55 dB		
	Đáp ứng tần số	30Hz-20KHz		
	Anten	Thiết kế 4 anten và sử dụng công nghệ Antenna Diversity giúp chủ động lựa chọn anten phát sóng phù hợp		
	Tỉ số tín hiệu trên nhiễu S/N	>60dB.		
	Tỉ số méo hài (THD)	0.05% (1KHz).		
	Điện áp sử dụng	Adaptor AC 100 - 240V, 50/60Hz		
	Bảo hành	12 Tháng		
6	Dây cáp loa		2.500	M

	chuyên dụng			
	Cáp tín hiệu	Vỏ cách điện PE loại 1 pair x 16AWG, có màng nhôm và dây chống nhiễu 16AWG, vỏ PVC chậm cháy		
	Dây mềm	Số lõi: 19x0.287mm		
	Dây cáp loa	2 x1.5mm		
	Bảo hành	12 Tháng		
7	Jack neutrick	Jack neutrick	180	Chiếc
8	Tủ âm thanh	Tủ âm thanh chuyên dụng AV 10U	43	Chiếc
9	Bàn phím + chuột có dây	-Thiết kế chống nước với lỗ thoát thông minh. -Màu đen, Giao diện USB.	44	Chiếc
10	Cáp HDMI		44	Sợi
	Chiều dài	5m		
	Cổng kết nối	mạ vàng		
	Tốc độ	băng thông rộng giúp truyền dữ liệu mạnh mẽ lên tới 10Gb/s		
	Công nghệ	HDCP compliant giúp bảo mật dữ liệu âm thanh, video, hình ảnh		
	Tính năng	Audio Return Channel: giúp loại bỏ việc sử dụng cáp âm thanh composite riêng biệt, một cáp quang khi kết nối bộ thu Audio/Video (A/V) hoặc hệ thống âm thanh vòm với TV. Hỗ trợ 4K với độ phân giải cực cao 3840 x 2160 pixel ở 24Hz/25Hz/30Hz, 4096 x 2160 pixel ở 24Hz Hỗ trợ 3D giúp chơi game 3D và các ứng dụng thực tế ảo tại nhà.		
11	Giá treo tivi di động	Tương thích: 75" – 110" Tải trọng: 136.4 Kg Chất Liệu: Hợp Kim Nhôm Chiều cao (tính từ tâm tivi xuống mặt sàn): 120 cm – 170 cm Tương thích tivi có VESA: 20 x 20 cm – 100 x 60 cm Khay đặt Camera (trên đỉnh tivi) : Có 4 Bánh Xe : Có Khóa Cố Định Màu Sắc: Đen Trọng Lượng: 40.5 Kg	44	Chiếc

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU
SỐ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	STT	Tên đơn vị
1	Phường Vân Sơn	28	Xã Tân Phong
2	Xã Lóng Sập	29	Xã Kim Bon
3	Xã Song Khủa	30	Xã Suối Tọ
4	Xã Tô Múa	31	Xã Chiềng Hặc
5	Xã Xuân Nha	32	Xã Lóng Phiêng
6	Xã Quỳnh Nhai	33	Xã Yên Sơn
7	Xã Mường Chiên	34	Xã Chiềng Mai
8	Xã Mường Giôn	35	Xã Phiêng Păn
9	Xã Mường Sại	36	Xã Chiềng Mung
10	Xã Chiềng La	37	Xã Phiêng Cầm
11	Xã Nậm Lầu	38	Xã Mường Chanh
12	Xã Muối Nọi	39	Xã Chiềng Sung
13	Xã Mường Khiêng	40	Xã Bó Sinh
14	Xã Co Mạ	41	Xã Chiềng Khương
15	Xã Bình Thuận	42	Xã Mường Hung
16	Xã Mường É	43	Xã Chiềng Khoong
17	Xã Long Hẹ	44	Xã Mường Lằm
18	Xã Mường Bám	45	Xã Nậm Ty
19	Xã Mường La	46	Xã Sông Mã
20	Xã Chiềng Lao	47	Xã Huổi Một
21	Xã Mường Bú	48	Xã Chiềng Sơ
22	Xã Ngọc Chiến	49	Xã Sốp Cộp
23	Xã Tà Xùa	50	Xã Púng Bính
24	Xã Xím Vàng	51	Xã Mường Lạn
25	Xã Gia Phù	52	Xã Mường Lèo
26	Xã Tường Hạ		
27	Xã Mường Cơi		

Phụ lục III
DANH SÁCH TIẾP NHẬN THIẾT BỊ SAU MUA SẮM
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng đề xuất đầu tư			
		Tivi	Amplý	Loa	Micro
1	Phường Vân Sơn	0	1	1	1
2	Xã Lóng Sập	1	1	0	1
3	Xã Song Khủa	1	1	1	1
4	Xã Tô Múa	1	1	1	1
5	Xã Xuân Nha	1	0	0	0
6	Xã Quỳnh Nhai	1	0	0	0
7	Xã Mường Chiên	1	1	1	1
8	Xã Mường Giôn	1	1	1	1
9	Xã Mường Sại	1	1	0	1
10	Xã Chiềng La	1	1	1	1
11	Xã Nậm Lầu	0	1	1	1
12	Xã Muối Nội	1	1	1	1
13	Xã Mường Khiêng	1	1	1	1
14	Xã Co Mạ	1	1	1	1
15	Xã Bình Thuận	0	1	1	1
16	Xã Mường É	0	1	1	1
17	Xã Long Hẹ	1	0	1	1
18	Xã Mường Bám	1	1	1	1
19	Xã Mường La	0	1	1	1
20	Xã Chiềng Lao	1	0	0	0
21	Xã Mường Bú	1	0	0	0
22	Xã Ngọc Chiến	1	1	1	1
23	Xã Tà Xùa	1	1	1	1
24	Xã Xím Vàng	1	1	1	1
25	Xã Gia Phù	1	1	1	1
26	Xã Tường Hạ	1	1	1	1
27	Xã Mường Cơi	0	1	0	1
28	Xã Tân Phong	1	1	1	1

STT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng đề xuất đầu tư			
		Tivi	Amplly	Loa	Micro
29	Xã Kim Bon	1	0	1	0
30	Xã Suối Tọ	1	1	1	1
31	Xã Chiềng Hặc	1	1	1	1
32	Xã Lóng Phiêng	1	1	1	1
33	Xã Yên Sơn	1	0	0	1
34	Xã Chiềng Mai	1	1	1	1
35	Xã Phiêng Păn	0	1	0	1
36	Xã Chiềng Mung	1	1	1	1
37	Xã Phiêng Cầm	1	1	1	1
38	Xã Mường Chanh	1	1	1	1
39	Xã Chiềng Sung	1	1	1	1
40	Xã Bó Sinh	1	0	0	0
41	Xã Chiềng Khương	1	1	1	1
42	Xã Mường Hung	1	1	1	1
43	Xã Chiềng Khoong	0	1	1	1
44	Xã Mường Lằm	1	1	1	1
45	Xã Nậm Ty	1	1	1	1
46	Xã Sông Mã	1	1	1	1
47	Xã Huổi Một	1	1	1	1
48	Xã Chiềng Sơ	1	1	1	1
49	Xã Sốp Cộp	1	0	0	0
50	Xã Púng Bính	1	1	1	1
51	Xã Mường Lạn	1	1	1	1
52	Xã Mường Lèo	1	1	1	1
	Tổng	44	43	41	45